

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/NQ-HĐND

Đông Triều, ngày 12 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất
đến năm 2020 thị xã Đông Triều**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 134/2016/NQ-QH13 ngày 09/4/2016 của Quốc hội về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 8963/UBND-QLĐĐ1 ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ lại chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thị xã về việc đề nghị thông qua điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Đông Triều; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thị xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Đông Triều với những nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh đến năm 2020 (ha)
1	2	3	4
	Diện tích đất tự nhiên		39.658,35
1	Đất nông nghiệp	NNP	29.634,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.138,13
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.559,14</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	295,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.170,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10.185,28
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	662,81
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.558,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.436,11
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	187,65
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.883,13
2.1	Đất quốc phòng	CQP	519,64
2.2	Đất an ninh	CAN	97,32
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	150,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	70,78
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	288,93
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	519,95
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.008,08
2.9	Đất phát triển hạ tầng, cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Trong đó:	DHT	2.860,44
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	134,44
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	25,19
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	912,40
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	632,50
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,71
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,94
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	42,73

2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng	NTD	202,67
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	SKX	420,59
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	35,35
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	62,27
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	14,58
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.	SON	958,93
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	890,69
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	140,77
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN	
5	Đất khu kinh tế*	KKT	
6	Đất đô thị*	KDT	5.126,72

Ghi chú: () Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

2. Quy hoạch sử dụng đến năm 2020

a, Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ quy hoạch:

- Đất nông nghiệp 29.634,45 ha, chiếm 74,73 % tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 9.883,13 ha, chiếm 24,92 % tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 140,77 ha, chiếm 0,35 % tổng diện tích đất tự nhiên.

b, Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 2.453,79 ha (trong đó đất trồng lúa 687,82 ha);
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 87,15 ha.

c, Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

- Đất nông nghiệp 372,72 ha.
- Đất phi nông nghiệp 62,94 ha.

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

3.1. Cơ chế tài chính

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình trọng điểm trên địa bàn thị xã, nhất là các dự án động lực, quan trọng về hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ, du lịch,... có tác động thúc đẩy sự phát triển trên các lĩnh vực.

- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các lĩnh vực phát triển kinh tế, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện liên kết với các địa phương, các doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước trên cơ sở các dự án được chọn lựa có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện của thị xã.

- Tập trung khai thác, huy động các nguồn vốn trong đó có nguồn vốn từ đấu giá QSD đất, đấu thầu các dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá QSD đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

- Xây dựng chính sách tài chính trong quản lý đất đai, coi đây là nguồn thu thường xuyên của ngân sách. Trên cơ sở đó đầu tư một phần trở lại cho ngành tài nguyên và môi trường để hiện đại hoá công tác quản lý đất đai.

3.2. Giải pháp về sử dụng đất

- Đánh giá một cách toàn diện thực trạng sử dụng đất và môi trường trong các khu, cụm công nghiệp làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công nghiệp đảm bảo tính liên vùng, liên tỉnh và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ; rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng quỹ đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội; nâng cao hệ số sử dụng đất, hạn chế việc thực hiện các dự án nhà ở nhỏ lẻ. Ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ.

- Có quy trình quản lý chặt chẽ từ khâu lựa chọn địa điểm, phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, quản lý môi trường, giao đất, cho thuê đất; tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai thông qua cơ chế thị trường; đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, phát huy hiệu quả của giá trị đất đai trong thời gian tới.

3.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và kỹ thuật

- Ưu tiên bố trí nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tổ chức quản lý, thống kê, theo dõi biến động đất đai trên địa bàn, công khai phổ biến trên môi trường mạng để tạo thuận lợi trong quản lý đất đai, quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, tránh lãng phí tài nguyên đất đai. Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập, giám sát và tổ chức thực hiện quy hoạch; tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung, phương pháp, quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu, làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên

đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị xã, nhất là các địa phương xã, phường.

- Gắn kết đồng bộ công tác quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác để tạo sự thống nhất, hạn chế tối đa những bất cập, mâu thuẫn giữa các quy hoạch, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển vùng, ngành. Nâng cao chất lượng các quy hoạch, nhất là quy hoạch phân khu trên cơ sở nâng cao trình độ, trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn của thị xã và UBND xã, phường trong quá trình phối hợp với đơn vị tư vấn lập quy hoạch; hạn chế sự điều chỉnh do lỗi chủ quan, điều chỉnh đơn lẻ theo dự án.

3.4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đầu tư, quan tâm tổ chức ngành tài nguyên và môi trường đủ mạnh để đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý đất đai trong thời gian tới.

- Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai của đội ngũ cán bộ, công chức của thị xã và các xã, phường; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hạn chế những sai sót, vi phạm trong công tác quản lý đất đai do lỗi chủ quan và sử dụng biện pháp thủ công.

3.5. Giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ các diện tích đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn thị xã, tăng cường đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp. Nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, phục hồi và phát triển trồng rừng và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường để giám sát trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại; cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các lực lượng xã hội để thực hiện tốt các giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ tài nguyên đất để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thị xã trong thời gian tới.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

3.6. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, UBND thị xã Đông Triều tổ chức tuyên truyền, công bố công khai, để các ban ngành và UBND cấp xã, nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức xã hội và các nhà đầu tư thực hiện.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, các dự án về phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu đô thị mới... trên địa bàn thị xã.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị xã; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai hoặc không khả thi.

- Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn thị xã đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, phường trong công tác quản lý, thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản thi hành Luật Đất đai cho các tổ chức, người dân để Luật thực sự đi vào đời sống xã hội, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Hội đồng nhân dân thị xã giao:

- UBND thị xã hoàn chỉnh các thủ tục trình UBND tỉnh xét duyệt điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Đông Triều theo quy định của pháp luật. Sau khi điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Đông Triều được phê duyệt; chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường trực, các ban, ngành, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Trường hợp UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu sử dụng đất có thay đổi so với Nghị quyết đã được HĐND thị xã thông qua, UBND thị xã có trách nhiệm tổng hợp nội dung thay đổi, thống nhất với Thường trực HĐND thị xã để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt và báo cáo HĐND thị xã vào kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này được HĐND thị xã khóa XIX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/6/2019 và có hiệu lực từ ngày 19/6/2019. /*hu*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp Quảng Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh
ứng cử tại thị xã;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Thường trực UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã khóa 19;
- UBMTTQ và các đoàn thể thị xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trên địa bàn;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu.

(báo cáo)

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Học